CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM

VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY

Số/No.:310 CV-TST

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận quý 01 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước./Explanation of profit fluctuations in the first quarter of 2026 compared to the same period last year.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TP HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Ho Chi Minh City, April 29, 2026

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock Exchange

Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM/ VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY.

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: VPS

Địa chỉ trụ sở chính: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Address: 102 Nguyen Đinh Chieu, Ward: Tan Dinh, Ho Chi Minh City.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán./Follow Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market.

Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính riêng và hợp nhất quý 1 năm 2026 của Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam./Based on the Separate Statement of Financial Position and Consolidated for the first quarter of 2026 of Vietnam Pesticide Joint Stock Company.

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:/We would like to explain the case where the profit after tax differs by more than 10% compared to the same period last year, as follows:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG/SEPARATELY REPORT DATA

Stt/ No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	116.265.498.617	38.983.122.997	77.282.375.620	198,2%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	26.120.166.590	1.661.832.516	24.458.334.074	1471,8%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	90.145.332.027	37.321.290.481	52.824.041.546	141,5%

Stt/ No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	67.251.889.273	25.489.212.939	41.762.676.334	163,8%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	22.893.442.754	11.832.077.542	11.061.365.212	93,5%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	3.267.432.221	3.313.689.718	(46.257.497)	-1,4%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	2.061.411.699	3.149.436.000	(1.088.024.301)	-34,5%
8	Chi phí bán hàng/Selling expense	11.874.996.030	6.854.399.630	5.020.596.400	73,2%
9	Chi phí quản lý/Administrative expenses	10.018.574.486	8.847.558.270	1.171.016.216	13,2%
10	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	2.205.892.760	(3.705.626.640)	5.911.519.400	160%
11	Lợi nhuận khác/Other income	343.289.143	(92.710.689)	435.999.832	470%
12	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	2.549.181.903	(3.798.337.329)	6.347.519.232	167%
13	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	2.506.566.821	(3.720.952.411)	6.227.519.232	167%

SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT/CONSOLIDATED REPORT DATA

Stt/ No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	120.182.003.017	46.828.467.047	73.353.535.970	157%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	26.120.166.590	1.661.832.516	24.458.334.074	1472%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	94.061.836.427	45.166.634.531	48.895.201.896	108%
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	68.948.521.142	31.665.699.821	37.282.821.321	118%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	25.113.315.285	13.500.934.710	11.612.380.575	86%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	617.597.160	660.989.725	(43.392.565)	-7%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	2.064.300.379	3.229.163.878	(1.164.863.499)	-36%
8	Chi phí bán hàng/Selling expense	12.400.540.748	7.170.261.025	5.230.279.723	73%
9	Chi phí quản lý/Administrative expenses	11.306.121.245	9.989.892.003	1.316.229.242	13%
10	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	(40.049.927)	(6.227.392.471)	6.187.342.544	99%
11	Lợi nhuận khác/Other income	343.289.143	(92.710.689)	435.999.832	470%
12	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	303.239.216	(6.320.103.160)	6.623.342.376	105%
13	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	127.114.213	(6.327.890.043)	6.455.004.256	102%

Trong quý 1 năm 2026, kết quả kinh doanh của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, trong đó doanh thu tăng mạnh là yếu tố chính thúc đẩy lợi nhuận sau thuế tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm trước.

In the first quarter of 2026, the Company recorded positive business performance. The strong increase in revenue was the main driver, leading to a more than 10% year-on-year growth in profit after tax.

Cụ thể, theo báo cáo tài chính riêng, doanh thu đạt 116,26 tỷ đồng, tăng 77,28 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 198,2% so với cùng kỳ. Trên cơ sở hợp nhất, doanh thu đạt 120,18 tỷ đồng, tăng 73,35 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 156,6% so với cùng kỳ năm trước.

Specifically, revenue in the separate Statement of Profit or Loss reached VND 116.26 billion, an increase of VND 77.28 billion, equivalent to 198.2% compared to the same period last year. On a consolidated basis, revenue reached VND 120.18 billion, up by VND 73.35 billion, equivalent to 156.6% increase year-on-year.

Trân trọng/Best regards.

Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300408946, CN=Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.05.04 13:05:20+07'00'
Foxit PhantomPDF Version: 10.1.1

Tổng giám đốc
General Director

M.S.D.N: 0300408946 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM QUẬN 1-T.P. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THÂN

Nơi nhận/Recipient:
- Như trên/ As above;
- Lưu: Văn thư, Phòng kế toán /Archives: Admin Office, Accountant Dept.